

## NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH NGÔN NGỮ CHO TRẺ 0 – 6 TUỔI

Ngôn ngữ là thành tựu lớn lao của xã hội loài người, là điểm khác biệt và tạo nên sức mạnh cho con người so với các loài động vật khác. Ngôn ngữ thật cần thiết và quan trọng trong sự phát triển xã hội loài người. Do đó, E.I.Tikhêeva đã nhấn mạnh: ngôn ngữ là công cụ để tư duy, là chìa khóa để nhận thức, là vũ khí để chiếm lĩnh kho tàng văn hóa của dân tộc, của nhân loại. Trong quá trình lao động, sản xuất, sinh hoạt, ngôn ngữ là công cụ hữu hiệu để trao đổi, bày tỏ nguyện vọng, ý muốn của mình với mục đích phối hợp hoạt động, cùng nhau chinh phục thiên nhiên, xã hội làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Như vậy, ngôn ngữ rất quan trọng trong việc hình thành, phát triển của xã hội loài người.

Trẻ em lứa tuổi mẫu giáo nói chung và trẻ có nhu cầu đặc biệt nói riêng, ngôn ngữ giữ một vai trò quan trọng. Ngôn ngữ giúp trẻ tích lũy kiến thức, phát triển tư duy. Ngoài ra, ngôn ngữ còn là phương tiện giúp trẻ lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử xã hội và các giá trị đạo đức mang tính chuẩn mực.

Xác định được tầm quan trọng của ngôn ngữ đối với trẻ có nhu cầu đặc biệt, nhóm giáo viên tại Trung tâm giáo dục Đặc biệt Quốc Gia đã tổng hợp chương trình ngôn ngữ lứa tuổi mầm non (0 – 6 tuổi) để các giáo viên và phụ huynh tham khảo khi lựa chọn nội dung dạy ngôn ngữ cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.

STT	Độ tuổi		NHÀ TRẺ			MẪU GIÁO		
			3 - 12 th	12 - 24 th	24 - 36 th	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1	Nghe	Nghe lời nói khác nhau	x	x	x			
		Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	x	x	x			

		Nghe các câu nói đơn giản trong giao tiếp hằng ngày	x					
		Nghe các câu hỏi: (DT) đâu?, ở đâu?, con gì?, (DT) thế nào? (gà gáy thế nào?), cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?	(DT) đâu?	ở đâu?, con gì?,... (DT) thế nào?, cái gì? làm gì?	để làm gì? ở đâu? như thế nào?			
		Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	bài hát, đồng dao, ca dao		hò vè, câu đố, bài hát	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
		Nghe hiểu				các câu đơn, câu mở rộng.	câu phức	
		Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		truyện kể đơn giản theo tranh.	truyện ngắn	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
		Nghe và thực hiện yêu cầu		1 số yêu	các yêu			

		bằng lời nói		câu	câu			
		Hiểu từ				các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	các từ khái quát, từ trái nghĩa.
		Hiểu và làm theo yêu cầu				đơn giản	2, 3 yêu cầu	2, 3 yêu cầu liên tiếp
2	Nói	Các âm khác nhau	bập bẹ	phát âm				
		Phát âm các tiếng				của Tiếng Việt	chứa các âm khó	có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và

								các thanh điều.
	Bắt chước các âm khác nhau của người lớn.	x						
	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt	Nói một vài từ đơn giản.				phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp		
	Gọi tên/ sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động gần gũi trong giao tiếp.		gọi tên	sử dụng từ trong giao tiếp				
	Trả lời và đặt câu hỏi: con gì?, cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...		con gì?, cái gì?, làm gì?	ở đâu?, .... thế nào?, để làm gì?, tại sao?...				
	Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?, để làm gì?				ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	để làm gì?		

		Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?						x
		Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.						x
		Thể hiện nhu cầu, mong muốn bằng	các âm bập bẹ/ từ đơn giản kết hợp với động tác, cử chỉ, điệu bộ.	câu đơn giản	1 - 2 câu đơn giản và câu dài			
		Thể hiện hiểu biết			1 - 2 câu đơn giản và câu dài			
		Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng				các câu đơn, câu	câu đơn, câu ghép	các câu đơn, câu

					đơn mở rộng		ghép khác nhau rõ ràng, dễ hiểu
	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		vuốt đuôi	3 tiếng/ câu	3 - 4 tiếng	4 - 6 tiếng	6 - 8 tiếng
	Kể lại truyện			cùng cô/ có gợi ý	có hỗ trợ	sau khi nghe	theo trình tự
	Kể chuyện sáng tạo					theo đồ vật	theo tranh
	Kể lại sự việc				đơn giản	có nhiều tình tiết	theo trình tự
	Sử dụng các từ			thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	biểu thị sự lễ phép.		biểu cảm, hình tượng.
	Mô tả sự vật, tranh ảnh, hiện tượng				có sự giúp đỡ	tự mô tả	

		Đóng vai, đóng kịch				đóng vai theo lời dẫn truyện	đóng kịch	
3	Làm quen với sách/ đọc, viết	Lật / mở sách		x				
		Xem tranh và gọi tên/ chỉ vào các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.		chỉ	gọi tên			
		Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau				x	x	x
		Lắng nghe khi người lớn đọc sách.			x			
		Đọc ký hiệu đơn giản trong cuộc sống				nhà vs, đèn giao thông ...	hình biểu tượng	nơi nguy hiểm, biển chỉ dẫn giao thông ...
		Chữ cái				tiếp xúc	nhận dạng	làm quen

		Tô/ đồ, sao chép					tô/ đồ nét	sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình
		Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt (hướng đọc/ viết, cách ngắt/ nghỉ sau các dấu câu)				x	x	x
		Đọc, giữ gìn, bảo vệ sách				cầm, mở sách đúng chiều và "đọc"	phân biệt mở đầu và kết thúc của sách, đọc qua tranh	

*Bảng số 1. Bảng tổng hợp chương trình ngôn ngữ lứa tuổi mầm non (0 – 6 tuổi)*

Bảng trên đã tổng hợp toàn bộ nội dung chương trình ngôn ngữ lứa tuổi mầm non (0 – 6 tuổi). Thông tin chi tiết và hệ thống trong bảng sẽ là cơ sở để giáo viên và phụ huynh xem xét mức độ phát triển của trẻ; từ đó có những lựa chọn phù hợp về nội dung dạy ngôn ngữ cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Tác giả: Phạm Thị Thu Thủy - Đặng Thị Bích Thủy